

Số: /BC-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 và đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 2397/BNN-LN ngày 03/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1685/UBND-KTN ngày 04/4/2024 về việc tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo việc tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 như sau:

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT LÂM NGHIỆP NĂM 2017

1. Ban hành văn bản; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

1.1. Kết quả thực hiện

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành

Từ năm 2019 đến năm 2023, tỉnh Quảng Ngãi đã ban 1.181 văn bản các loại (*cấp tỉnh: 86 văn bản; cấp huyện: 1.095 văn bản*) để chỉ đạo UBND các cấp, các Sở, ban, ngành, địa phương, chủ rừng triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp

Qua 05 năm triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp đã tổ chức 2.976 Hội nghị các cấp, số lượng tham dự 113.925 lượt người; tập huấn 325 lớp, số lượng người tham gia 15.627 lượt người; 300 bài viết; tuyên truyền trên truyền hình 06 lần, 25 lần phát sóng; xây dựng 30 phóng sự truyền hình, 33 bài phóng sự báo chí; tổ chức 02 buổi tọa đàm, số người tham dự 240 người; tuyên truyền lưu động 1.263 đợt; in ấn hàng nghìn tờ rơi, áp phích tuyên truyền và thường xuyên phát thanh trên loa xã, phường, thị trấn *(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)*

1.2. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp được UBND tỉnh quan tâm, ban hành thường xuyên; tuy nhiên, một số địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo có lúc chưa kịp thời, đầy đủ.

- Một số vấn đề ngoài thực tiễn liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp chưa được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp được quy định tại Luật Lâm nghiệp; tuy nhiên, việc triển khai thực hiện cơ chế, chính sách giữa các bộ, ngành còn chồng chéo, chưa thống nhất, đồng bộ dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp

- Đa phần người dân sống dựa vào rừng là đồng bào dân tộc thiểu số nên sự hiểu biết về pháp luật chưa cao, chưa đồng đều, nhiều địa phương còn tồn tại những phong tục, tập quán lạc hậu, tư tưởng bảo thủ đã ăn sâu trong tiềm thức một bộ phận dân cư nên việc phổ biến giáo dục pháp luật gặp nhiều khó khăn.

- Một số cán bộ làm công tác tuyên truyền có lúc chưa năng động, linh hoạt, khả năng tuyên truyền, kỹ năng giao tiếp còn hạn chế nên đôi khi chưa truyền tải đầy đủ thông điệp tuyên truyền đến người dân, thiếu tính thuyết phục dẫn đến công tác tuyên truyền chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

- Lực lượng trực tiếp làm công tác tuyên truyền pháp luật còn thiếu về số lượng, chưa qua bồi dưỡng báo cáo viên.

- Kinh phí, phương tiện và cơ sở vật chất chưa được đầu tư phù hợp. Hình thức chủ yếu vẫn là tuyên truyền miệng, qua phương tiện thông tin đại chúng, phát tờ rơi nên chưa phát huy hiệu quả như mong muốn. Hình thức tuyên truyền pháp luật sân khấu hóa đã thu hút được đông đảo người tham gia, nhưng do nguồn kinh phí cho công tác tuyên truyền còn hạn hẹp nên ít có điều kiện tổ chức.

2. Quy hoạch lâm nghiệp

a) Kết quả đạt được (Biểu 03):

- Việc đưa nội dung về lâm nghiệp vào trong quy hoạch cấp tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Đã đưa nội dung về lâm nghiệp vào trong quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023; cụ thể tại: "Phương án quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản (bao gồm cả các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; định hướng phát triển chăn nuôi; định hướng phát triển ngành nghề nông thôn gắn với mỗi xã một sản phẩm; định hướng hệ thống rừng giống và vườn ươm giống cây lâm nghiệp; khu dự trữ bảo tồn thiên nhiên) tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050".

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác quy hoạch lâm nghiệp và ý thức chấp hành quy hoạch của các cấp

Nhận thức được vai trò của công tác quy hoạch lâm nghiệp trong sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh, các ngành, địa phương công khai, niêm yết kết quả về quy hoạch lâm nghiệp; tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân để theo dõi, giám sát việc tổ chức thực

hiện, từ đó nâng cao ý thức chấp hành quy hoạch của các cấp, nhất là việc kiểm soát việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng các công trình/dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đánh giá vai trò của quy hoạch lâm nghiệp trong việc tăng cường hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước, phát triển lâm nghiệp tại địa phương

Quy hoạch lâm nghiệp có vai trò hết sức quan trọng để định hướng phát triển ngành lâm nghiệp của tỉnh; là cơ hội để đánh giá lại toàn bộ các hoạt động của ngành trong giai đoạn trước, từ quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch đất cho phát triển lâm nghiệp đến triển khai những nội dung quan trọng như công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng,... đồng thời xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp để thực hiện quy hoạch ngành lâm nghiệp phù hợp và thống nhất với quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

Mặt khác, Quy hoạch lâm nghiệp còn là cơ sở pháp lý quan trọng để các ngành, địa phương cụ thể hoá xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng một cách đồng bộ, hiệu quả; đồng thời, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi xâm hại trái pháp luật đến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Chính vì vậy, mọi hoạt động về lâm nghiệp trên địa bàn đều được các ngành, địa phương nghiêm túc chấp hành góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về phát triển lâm nghiệp tại địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Trong thời gian qua, việc lập và thực hiện quy hoạch lâm nghiệp được thực hiện thông qua quy hoạch 3 loại rừng và Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, chưa có quy hoạch lâm nghiệp tổng thể nên công tác quản lý, tổ chức triển khai gặp nhiều khó khăn, chưa thống nhất giữa các ngành như: thủy lợi, du lịch, thủy điện... Quy hoạch thiếu sự ổn định và thường bị điều chỉnh do nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế, công nghiệp, sản xuất nông nghiệp cũng như các mục đích phát triển của các ngành kinh tế khác của địa phương.

- Việc quản lý đất lâm nghiệp có nơi chưa chặt chẽ, vẫn còn xảy ra tình trạng chồng lấn, tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân với Ban Quản lý rừng phòng hộ. Một số địa phương chưa quyết liệt xử lý tình trạng xâm chiếm đất trái phép, thu hồi rừng theo quy hoạch. Một số diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn vẫn chưa được xử lý dứt điểm. Ranh giới rừng trên bản đồ và ngoài thực địa ở nhiều nơi chưa rõ ràng; việc lấn chiếm, tranh chấp đất diễn ra phức tạp; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm.

- Một số chính sách đã ban hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tính khả thi chưa cao, chưa có tính đột phá; một số chủ trương, nhiệm vụ đề ra chưa sát với khả năng cân đối nguồn lực để tổ chức thực hiện.

3. Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng

3.1. Kết quả đạt được

a) Giao rừng, cho thuê rừng

- Giai đoạn 2019 – 2023, trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc giao rừng với diện tích 4.057,31 ha rừng tự nhiên (phòng hộ: 537,23 ha; sản xuất 3.520,08 ha; trong đó giao rừng cho cộng đồng dân cư: 3.146,71 ha; giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân: 910,60 ha.

- Tính đến ngày 31/12/2023, tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng: 114.908,47 ha; trong đó:

- Giao rừng cho tổ chức: 96.590,16 ha.

+ Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 90.390,87 ha;

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: 6.045,49 ha

+ Lực lượng vũ trang: 153,80 ha;

- Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ): 18.302,15 ha;

- Thuê rừng: 16,16 ha;

(Chi tiết có Biểu 04 kèm theo)

- Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp tính đến 31/12/2023

Trên địa bàn tỉnh, quá trình giao rừng thực hiện gắn liền với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh hiện đang thực hiện dự án Rà soát, đo đạc xác định diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch phòng hộ nhưng người dân đang sử dụng trong lâm phần của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (do vướng mắc về công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai tại Thông báo số 670/TB-VPĐKĐ ngày 14/3/2024).

b) Chuyển loại rừng, CMĐSD rừng sang mục đích khác

- Số lượng các dự án, diện tích rừng được chuyển sang mục đích khác trong phạm vi toàn tỉnh:

+ Dự án đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 28 dự án/202,147 ha (trong đó: rừng tự nhiên 6,030 ha, rừng trồng 196,117 ha);

+ Dự án, diện tích rừng được chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 15 dự án/67,080 ha (trong đó: rừng tự nhiên 6,030 ha, rừng trồng 61,050 ha);

+ Loại hình chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích tương ứng (*kết cấu hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm...): 24,642 ha; khai thác khoáng sản 4,331 ha; xây dựng khu công nghiệp, kinh doanh du lịch, dịch vụ 26,220 ha; chuyển mục đích sử dụng rừng sang làm thủy điện 11,887 ha*).

- Trồng rừng thay thế: Từ năm 2019 – 2023 diện tích trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh: 273,918 ha, trong đó: năm 2019: 37,39 ha, năm 2020: 46,818 ha, năm 2021: 45,0 ha, năm 2022: 38,650 ha, năm 2023: 106,060 ha.

(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo)

c) Thu hồi rừng

Trên địa bàn tỉnh đang thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi khoảng 300ha rừng phòng hộ của Trung tâm Kỹ thuật nông lâm nghiệp Dung Quất (*hiện sáp nhập vào Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường*) để giao cho địa phương quản lý. Lý do: chủ rừng tự nguyện trả lại rừng. Không có thu hồi rừng trong các trường hợp nào khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; giao rừng, cho thuê rừng không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng: Không có

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Giao rừng, cho thuê rừng

- Việc quản lý rừng và đất lâm nghiệp của các Chủ rừng được Nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ còn thiếu chặt chẽ; chủ rừng chưa thực sự tổ chức bảo vệ và phát triển tốt trên lâm phần được giao, còn dễ xảy ra tình trạng xâm hại rừng và đặc biệt là tái lấn chiếm đất quy hoạch phòng hộ; công tác phối hợp giữa chủ rừng với chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vụ lấn chiếm đất lâm nghiệp chưa được xử lý kịp thời.

- Trong quá trình thực hiện, sự phối hợp giữa các ngành có liên quan trong chỉ đạo triển khai chưa thật sự chặt chẽ, đặc biệt là giữa ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tài nguyên - Môi trường trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; ngành Tài chính trong cấp phát vốn.

- Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ có hiện trạng nghèo kiệt, trữ lượng và chất lượng rừng thấp, các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao; bên cạnh đó, việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng không ổn định và kịp thời, do đó chưa khuyến khích được các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tích cực tham gia bảo vệ rừng.

b) Chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trồng rừng thay thế.

- Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

+ Theo Điều 19 Luật Lâm nghiệp thì chuyển MĐSD rừng sang mục đích khác phải phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp Quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay quy hoạch lâm nghiệp quốc gia chưa được phê duyệt, nên khó khăn trong thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phê duyệt tại Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 và Quy hoạch 3 loại rừng phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 và Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực vào cuối kỳ quy hoạch theo quy định (năm 2020). Theo quy định tại Luật Quy hoạch cũng như Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia được phê duyệt. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số công trình, dự án chuyên đổi mục đích sử dụng rừng chưa phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phê duyệt tại Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 và Quy hoạch 3 loại rừng phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi gây khó khăn về pháp lý để trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

c) Thu hồi rừng

Tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định: "Trình tự, thủ tục thu hồi rừng thống nhất, đồng bộ với trình tự, thủ tục thu hồi đất, chuyển đổi đất và thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai". Tuy nhiên, đối với diện tích được giao rừng nhưng chưa giao đất thì chưa có hướng dẫn cụ thể nên khó cho địa phương khi tổ chức thực hiện.

4. Tổ chức quản lý rừng; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; đóng, mở cửa rừng tự nhiên

4.1. Kết quả đạt được

a) Tổ chức quản lý rừng

- Rừng đặc dụng: Ngày 21/02/2024, UBND tỉnh có Công văn số 849/UBND-KTN về việc thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư thuộc Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, Sở Nông nghiệp và PTNT đang chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực tài chính đầu tư, hỗ trợ.

- Rừng phòng hộ: trên địa bàn tỉnh có 01 Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, được thành lập theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

- Rừng sản xuất: Sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp.

Thực hiện Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi; UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 5319/UBND-NNTN ngày 16/10/2015 về việc triển khai thực hiện phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có 03 Công ty lâm nghiệp (gồm 02 công ty thuộc đối tượng sắp xếp, đổi mới theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP và 01 công ty đề nghị phá sản); cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô¹ được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/01/2016; theo đó, mô hình hoạt động của Công ty tiếp tục duy trì củng cố, phát triển và tái cơ cấu, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (quản lý, bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên) và sản xuất kinh doanh khác theo quy định của pháp luật như: Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, khai thác và sơ chế gỗ, khai thác gỗ và lâm sản khác; có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng. Cơ cấu tổ chức theo mô hình Chủ tịch công ty; giám đốc; kiểm soát viên không chuyên trách do UBND tỉnh bổ nhiệm; 04 phòng ban chức năng.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô², từ ngày 01/9/2016 chuyển sang mô hình công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, nhà nước giữ cổ phần chi phối (51%), trực thuộc Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Ngành nghề kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; khai thác gỗ; khai thác lâm sản ngoài gỗ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; nhà hàng và dịch vụ ăn uống; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân³ được Thủ tướng Chính phủ đồng ý thực hiện hình thức giải thể. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục giải thể gặp một số vướng mắc như: kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ và mất khả năng thanh toán các khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán⁴. Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản đề nghị Chính phủ điều chỉnh từ hình thức giải thể sang hình thức phá sản.

(Chi tiết tại Biểu 10 kèm theo)

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

¹ Báo cáo số 148/BC-Cty ngày 29/11/2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô.

² Báo cáo số 72/BC-Cty ngày 29/11/2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô.

³ Báo cáo số 03/BC-Cty ngày 16/02/2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân.

⁴ Tồn tại về tài chính (tính đến ngày 31/12/2021), nợ ngân sách: Tiền thuê sử dụng đất 719.868.118 đồng; nợ lương, bảo hiểm: 4.007.139.437 đồng; nợ khác: 20.000.000 đồng.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững: Đến hết quý I/2024, trên địa bàn tỉnh có 02 tổ chức được đã có Phương án Quản lý rừng bền vững được phê duyệt, với diện tích 109.407,64 ha⁵, bao gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ; đồng thời, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô đang tổ chức xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh với diện tích khoảng 6.322,24 ha⁶.

- Thực hiện việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (các chủ thể được cấp chứng chỉ, diện tích được cấp chứng chỉ, loại chứng chỉ được cấp...): Trên địa bàn tỉnh có 03 doanh nghiệp đã liên kết với các chủ rừng là hộ gia đình lập, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo nhóm đã được cấp chứng chỉ rừng với 10.878,94 ha/2.137 hộ; nâng tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC đạt 13.866,94 ha⁷/12.889 ha⁸, đạt 108% so với kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, đến nay, trên địa bàn các xã thuộc các huyện Ba Tơ, Mộ Đức,... có một số Công ty đã tiến hành thương thảo và ký hợp đồng liên kết lập phương án quản lý rừng bền vững, tiến tới cấp chứng chỉ quản lý rừng với tổng diện tích trên 5.700 ha⁹; đồng thời các công ty đã liên kết có chứng chỉ quản lý rừng đang tiến hành khảo sát để mở rộng vùng chứng chỉ.

c) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

- Tình hình thực hiện chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên (*chỉ thực hiện khai thác tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên*):

Thực hiện Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự

⁵ (i) Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 106.422,64 ha (rừng tự nhiên 72.939,66 ha, rừng trồng 17.589,21ha, rừng trồng chưa thành rừng 15.893,77 ha); (ii) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ: 2.988 ha (rừng sản xuất là rừng tự nhiên 297 ha; rừng sản xuất là rừng trồng 2.691 ha).

⁶ Rừng tự nhiên 5.856,67 ha, rừng trồng 465,57 ha.

⁷ (i) Công ty cổ phần lâm sản Xuân Lộc (liên kết tại địa bàn các xã: Trà Bùi, Trà Hiệp, Trà Giang, Trà Lâm, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Thanh, Trà Thủy huyện Trà Bông thuộc huyện Trà Bông): 7.526,94 ha/1.413 hộ (rừng trồng 6.916,10 ha, rừng tự nhiên 610,84 ha); (ii) Công ty cổ phần lâm nghiệp Toàn Phúc Thịnh (liên kết tại địa bàn 02 xã Sơn Dung và Sơn Tân, huyện Sơn Tây): 1.511 ha rừng trồng/489 hộ; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tân Kiều tỉnh Bình Định liên kết tại địa bàn các xã: Bình An, Bình Chương, Bình Khương, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Phước, huyện Bình Sơn xã huyện Bình Sơn : 1.841 ha/235 hộ (rừng trồng 1.597,16 ha, rừng tự nhiên 243,84 ha); Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ: 2.988 ha (rừng sản xuất là rừng tự nhiên 297 ha; rừng sản xuất là rừng trồng 2.691 ha).

⁸ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁹ Công ty Cổ phần Năng lượng Dung Quất (tại các xã thuộc huyện Ba Tơ) khoảng 2.088 ha; Công ty TNHH nguyên liệu giấy Thượng Hải (tại các xã: Ba Lẽ, Ba Nam, huyện Ba Tơ) khoảng 2.945 ha, Công ty TNHH gỗ Sơn Anh (trên địa bàn huyện Mộ Đức), khoảng trên 700 ha.

nhiên giai đoạn 2014 – 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên và giao cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô thực hiện quản lý, bảo vệ với diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 5.942,01 ha.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí bảo vệ và phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong giai đoạn dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên (đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ trên/ha; tổng kinh phí hỗ trợ...) cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô là **6.578.954.000 đồng**, cụ thể:

+ Năm 2019: 1.761.000.000 đồng (từ nguồn ngân sách trung ương theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg)

+ Năm 2020: 1.169.000.000 đồng (còn 508.304.000 đồng chưa phân bổ từ nguồn ngân sách trung ương theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg).

+ Năm 2021: Chưa phân bổ.

+ Năm 2022: 1.824.477.000 đồng (từ nguồn ngân sách trung ương theo Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững).

+ Năm 2023: 1.824.477.000 đồng (từ nguồn ngân sách trung ương theo Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững).

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tổ chức quản lý rừng (thành lập các ban quản lý rừng; sắp xếp, đổi mới CTLN...)

Do hợp nhất nhiều đơn vị (07 Ban) thành 01 Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh nên công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác rà soát hồ sơ, số liệu, tài liệu khó khăn, mất nhiều thời gian nên thời gian đầu không kịp thời nắm bắt được đầy đủ khối lượng công việc phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành. Tiến độ củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo các Phòng và Trạm chậm; chưa kịp thời tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm còn thiếu tại các Trạm (chuyên trách tổng hợp, kỹ thuật, ...); chưa xây dựng Phương án tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo hướng hợp đồng dài hạn (3-5 năm). Vì vậy lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng chưa an tâm công tác.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

- Đối với diện tích rừng phòng hộ, việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát phương án quản lý rừng bền vững phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước, đặc biệt đối với các công trình có sử dụng nguồn vốn đầu tư công (phụ thuộc vào kỳ trung hạn); ngoài ra, hoạt động lâm nghiệp, đặc biệt là hoạt động trồng rừng, trồng bổ sung,... phụ thuộc vào điều kiện lập địa và bị ảnh hưởng trực tiếp khí hậu thời tiết, nên kết quả thực hiện hàng năm thường bị thay đổi, ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung đề ra cho cả giai đoạn của phương án đã phê duyệt.

- Diện tích rừng của gia đình nhỏ, điều kiện vận xuất vận chuyển gặp nhiều khó khăn và chi phí ảnh hưởng đến tổng thu nhập; Người dân còn yếu về kiến thức kỹ thuật, còn mang tư tưởng kinh doanh rừng truyền thống, lấy lợi ích kinh tế trước mắt làm mục tiêu.

- Công tác trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh còn hạn chế do người dân thiếu vốn đầu tư sản xuất để trồng rừng có chu kỳ dài và việc kinh doanh rừng trồng gỗ lớn lâu cho thu hồi vốn trong khi mức độ rủi ro cao do thiên tai gây ra.

** Nguyên nhân*

- Diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên, nguồn lực chính đầu tư là nguồn ngân sách Nhà nước. Vì vậy, sẽ phụ thuộc vào khả năng cân đối ngân sách của địa phương, trung ương; đồng thời, đối với loại rừng này chưa thu hút các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

- Kinh tế hộ gia đình trong nhóm còn nhiều khó khăn, đa số là hộ trung bình, thậm chí hộ nghèo, cận nghèo, không đủ kinh phí chăm sóc rừng trong thời gian dài, vì thế thường có hiện tượng bán gỗ sớm hơn quy định và đã vi phạm nguyên tắc của FSC;

- Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của hộ gia đình chưa rõ ràng và chưa có tính dài hạn.

c) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

- Kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý bảo vệ rừng đối với các công ty nông, lâm nghiệp quá thấp so mặt bằng chung trên cùng một địa bàn; kinh phí phân bổ không kịp thời đã ảnh hưởng rất lớn đến chế độ chính sách của người giữ rừng.

- Kinh phí hỗ trợ quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên còn thiếu trong năm 2020 chưa phân bổ: 508.304.000 đồng, hiện nay đơn vị vẫn chưa quyết toán được kinh phí quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên năm 2020.

- Kinh phí năm 2021, hiện nay Quyết định mới chưa được Chính phủ ban hành kịp thời để thay thế Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ kinh phí cho các công ty nông, lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác từ năm 2021 trở đi (vì Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực). Vì vậy, người lao động (người giữ rừng) không an tâm công tác, có chiều hướng nghỉ việc, chuyển công tác khác để có thu nhập ổn định hơn.

- Nhiều chính sách liên quan đến lâm nghiệp chưa được Trung ương ban hành, kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các công ty lâm nghiệp chưa đảm bảo, mức hỗ trợ quá thấp, cấp phát kinh phí không kịp thời..., đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện trong những năm qua.

5. Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng

5.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức thực hiện điều tra rừng do UBND cấp tỉnh chủ trì: Không có
- Tổ chức thực hiện kiểm kê rừng

Thực hiện kiểm kê rừng năm 2016, kết quả được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09/01/2017; trong đó: tổng diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp 285.282,09ha (*phòng hộ 126.337,08ha, sản xuất 158.944,41ha*). Kết quả kiểm kê rừng là cơ sở để địa phương thực hiện theo dõi diễn biến rừng hàng năm; lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng; đồng thời, là thông tin phục vụ công tác giao rừng gắn với giao đất, cho thuê rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng ...

- Tổ chức theo dõi diễn biến rừng; công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng năm 2016, Chi cục Kiểm lâm tổ chức theo dõi biến động về diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hàng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng đúng thời gian quy định.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về rừng, hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp tại địa phương.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang sử dụng các phần mềm, ứng dụng trong lĩnh vực Lâm nghiệp theo hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp trên để phục vụ công tác theo dõi biến rừng, cảnh báo cháy rừng, ...

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Có nơi hiện trạng rừng ngoài thực địa chưa đồng nhất với cơ sở dữ liệu quản lý, bản đồ, nhất là rừng tự nhiên.

- Biên chế của lực lượng Kiểm lâm còn mỏng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao (*Kiểm lâm địa bàn phải kiêm nhiệm các bộ phận nghiệp vụ*), nhất là việc thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng.

- Phần mềm FRMS 4.0 chưa hoàn thiện, còn phát sinh nhiều lỗi trong quá trình sử dụng, dẫn đến tiến độ và chất lượng trong công tác theo dõi diễn biến rừng chưa đảm bảo theo yêu cầu đặt ra.

+ Tình trạng diện tích rừng bằng vốn ngân sách nhà nước trên lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh đã quá tuổi thành thực sinh học lớn (thời gian trồng từ 2010 trở về trước), cây trồng phụ trợ là cây Keo bị chết, cây tự nhiên tái sinh, phát triển dẫn đến rừng diễn thế từ rừng trồng thành rừng tự nhiên có diện tích lớn tuy nhiên chưa được xử lý triệt để.

6. Bảo vệ rừng (Biểu 06):

6.1. Kết quả đạt được:

- a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

- UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trong công tác bảo vệ rừng nhằm phòng, chống chặt phá rừng, cháy rừng, chống buôn lậu lâm sản; luôn chú trọng đổi mới về nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho nhân dân trên địa bàn huyện, dễ hiểu, phù hợp với mọi đối tượng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản và tuần tra, truy quét bảo vệ rừng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, nhất là tại điểm có nguy cơ xâm hại rừng cao.

- Chỉ đạo, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giữa các lực lượng: Công an, Kiểm lâm, Quân đội và chỉ đạo các Hạt kiểm lâm kết quy chế, kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài huyện.

- Thường xuyên chỉ đạo các Hạt kiểm lâm kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn đăng ký mã cơ sở, lập sổ theo dõi, ghi chép vào sổ theo dõi và báo cáo biến động về số lượng động vật rừng theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; hiện nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 146 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đã được cấp mã cơ sở nuôi với 3.524 cá thể (48 cá thể Cầy Vòi hương, 2.920 cầy vòi mốc,...)

- Tổ chức triển khai tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chế biến kinh doanh lâm sản trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm, đúng các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản theo nội dung Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; xây dựng Kế hoạch kiểm tra thường xuyên trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 584 cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản (*tổ chức 84 cơ sở; hộ gia đình, cá nhân: 500 cơ sở*). Nguồn gốc nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ chủ yếu là gỗ nhập khẩu, gỗ keo, cây vườn nhà chủ yếu phục vụ sử dụng tại địa phương và các vùng lân cận.

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

- Phòng cháy rừng:

+ Xác định phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị, hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác PCCCR để chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện trong phạm vi chức năng, quyền hạn được giao; chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, chủ rừng nhóm II tăng cường thực hiện các biện pháp PCCCR; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác PCCCR.

- Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng:

Hàng năm, ngay từ đầu mùa khô Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác PCCCR đối với Ban Chỉ đạo chương trình phát triển ngành lâm nghiệp bên vững cấp huyện có vùng trọng điểm

thường xuyên xảy ra cháy rừng, Ban QLRPH tỉnh và các Công ty lâm nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Trung bình mỗi năm kiểm tra trên 01 đợt đối với các Ban chỉ đạo các cấp: huyện, xã và các tổ chức. Bên cạnh đó, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Chi cục Kiểm lâm thành lập Đoàn Kiểm tra công tác PCCCR tại các Hạt kiểm lâm và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô, Ba Tô nhằm mục đích phát huy vai trò của cơ sở trong công tác PCCCR và xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng, đồng thời kiểm tra việc bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị PCCCR.

- Chữa cháy rừng:

Chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các cấp và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng các cấp; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; triển khai thực hiện công tác PCCCR theo quy định của pháp luật; duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững các cấp và các Tổ, Đội PCCCR tại cơ sở; hàng năm tổ chức diễn tập chữa cháy rừng cấp xã định kỳ và luân phiên theo xã (01 xã ở 01 huyện/ 01 năm); chỉ đạo Hạt kiểm lâm huyện thường xuyên theo dõi cảnh báo cháy rừng tại trang web Cục Kiểm lâm (địa chỉ <http://kiemlam.org.vn>, mục “Điểm cháy từ vệ tinh”) để theo dõi các điểm cháy; ghi chép thông tin về cháy rừng khi tiếp nhận thông tin cảnh báo cháy rừng, mở sổ trực, tổ chức thông tin cảnh báo điểm cháy trên hệ thống nhóm Zalo Ban chỉ đạo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cấp huyện, cấp xã để kịp thời xác minh thông tin báo cáo cấp trên kịp thời, đúng quy định; phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh để cung cấp dự thông tin báo cháy rừng và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát sóng bản tin cấp dự báo cháy rừng hàng ngày (*cấp IV, cấp V*); đồng thời, gửi tin cảnh báo cháy rừng thông qua mạng xã hội zalo của Chi cục Kiểm lâm đến các thành viên trong nhóm biết để triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp PCCCR; viết tin, bài phản ánh về công tác PCCCR tại các địa phương trong tỉnh. Qua đó, nâng cao nhận thức, ý thức của cán bộ và nhân dân trong việc chủ động triển khai thực hiện các biện pháp PCCCR. Đảm bảo thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa 03 lực lượng Công an - Quân sự - Kiểm lâm địa bàn theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

c) Phòng, trừ sinh vật gây hại rừng

Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, UBND cấp huyện, xã triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, trừ sinh vật hại rừng; tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng các nguồn giống cây lâm nghiệp có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng và khả năng kháng bệnh cao để đem vào trồng rừng; đảm bảo tiêu chuẩn về mật độ rừng trồng góp phần tích cực vào công tác phòng, trừ sinh vật hại rừng, nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng; kịp thời báo cáo tình hình sinh vật hại rừng cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng biết, có giải pháp xử lý.

d) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng

Ban Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 146 người. Trong đó:

+ Viên chức hiện có: 86 người.

+ Hợp đồng theo Nghị định số 111: 02 người.

+ Hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng (53 người) và Hợp đồng chuyên môn từ kinh phí dịch vụ môi trường rừng (5 người): 58 người.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô: Tổng số người làm việc: 14 người; trong đó: biên chế: 07 người, hợp đồng lao động: 07 người.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ: 44 công nhân viên, người lao động.

- Tổ chức Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng

Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh:

+ Về tiền lương: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của Ban Quản lý được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao dự toán ngân sách hàng năm để chi trả lương cho viên chức và hợp đồng lao động.

+ Về trang phục, công cụ hỗ trợ: Hàng năm đều thực hiện trang bị đồng phục cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Công cụ hỗ trợ Ban Quản lý đã phối hợp với công an tỉnh Quảng Ngãi để mở lớp tập huấn sử dụng phương tiện, công cụ hỗ trợ, thực hiện cấp công cụ hỗ trợ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng ở cơ sở.

+ Về tập huấn chuyên môn nghiệp vụ: Ban Quản lý đã phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi để mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và cấp chứng chỉ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Đã phối hợp với Trường cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô tự đảm bảo hoạt động cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ tự đảm bảo hoạt động cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng dựa trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trồng.

đ) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, cất giữ lâm sản trên địa bàn tỉnh. Nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cơ sở, cá nhân, hộ gia đình chấp hành và thực hiện đúng quy định của luật Lâm nghiệp; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

6.2. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

- Hoạt động nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã còn mang tính tự phát, khó quản lý, nhiều người dân chưa hiểu rõ về chính sách pháp luật thực thi công ước CITES, nguyên nhân một phần do việc tuyên truyền chưa được phong phú đa dạng; khả năng nhận dạng các loài ĐVHD của Kiểm lâm còn hạn chế; chính quyền cơ sở một số địa bàn chưa thực sự quan tâm đến công tác bảo tồn thiên nhiên, quản lý hoạt động nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã.

- Các hành vi xâm hại rừng (*khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản, phá rừng trái pháp luật*) vẫn còn xảy ra, có lúc diễn biến phức tạp tại một địa phương.

- Chưa có quy trình kỹ thuật gây nuôi, chăm sóc, phòng dịch bệnh, điều kiện về quy cách chuồng trại để làm cơ sở hướng dẫn, thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật nhằm hướng dẫn các chủ nuôi thực hiện những quy định của Nhà nước trong việc gây nuôi các loài ĐVHD.

- Các chủ nuôi hiện nay, đang gặp nhiều khó khăn về đầu ra của sản phẩm gây nuôi.

- Nguồn kinh phí phục vụ công tác bảo vệ động vật rừng, bảo tồn thiên nhiên còn hạn chế; công chức, viên chức làm công tác tuyên truyền chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo tập huấn chuyên sâu về kỹ năng tuyên truyền.

+ Chính quyền địa phương một số xã chưa thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; có lúc chưa kịp thời chỉ đạo, huy động tối đa nguồn lực trên địa bàn để ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

+ Một số đơn vị chủ rừng chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý bảo vệ rừng trên lâm phần được Nhà nước giao; chưa chủ động tổ chức lực lượng phối hợp các ngành chức năng, địa phương kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

- Thời tiết nắng nóng khô hanh kéo dài, biên độ nhiệt dao động ở mức cao, diện tích rừng trồng tập trung lớn, vật liệu cháy nhiều, ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc sử dụng lửa trong rừng, ven rừng, đốt ong, đốt dọn thực bì sau khai thác rừng trồng không đúng quy trình, quy định nên tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra, gây thiệt hại về tài sản của nhân dân và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Khi có cháy rừng xảy ra việc huy động lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn, chỉ có lực lượng chức năng và những hộ dân có diện tích rừng giáp ranh mới tham gia chữa cháy.

c) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng

+ Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thường xuyên xa gia đình để ngày đêm bám rừng làm nhiệm vụ, những nơi nguy hiểm, phức tạp thì họ phải có mặt và luân phiên nhau mật phục canh giữ; chế độ chính sách đối với viên chức, nhất

là chuyên trách bảo vệ rừng thấp, thời gian hợp đồng ngắn (01 năm); tiền lương rất thấp (bình quân 4 triệu đồng/tháng), ngoài chế độ của một viên chức bình thường thì họ không còn khoản thu nào khác. Thu nhập của lực lượng bảo vệ rừng thấp, không có phụ cấp, trong khi trách nhiệm rất lớn, quyền hạn hạn chế, khối lượng công việc nhiều (bình quân mỗi người phải đảm nhiệm trên 1.000 ha rừng); mùa khô trực PCCCR 24/24 giờ, kể cả thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, Tết; vì vậy, khó hoàn thành nhiệm vụ, dễ bị kiểm điểm, nên đã xảy ra tình trạng bỏ việc, chưa thu hút được người có năng lực và trình độ chuyên môn.

+ Tình trạng nghỉ việc của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nhiều nên phải thường xuyên tuyển dụng, đào tạo, tập huấn và mất nhiều thời gian để nắm bắt địa bàn.

+ Quyền hạn của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng hạn chế, không có chức năng điều tra đối tượng vi phạm nên khi xác lập hồ sơ ban đầu các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (phá rừng, khai thác lâm sản, lấn chiếm đất rừng, ...) không xác định được đối tượng vi phạm, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác xử lý vi phạm; trong khi đó, một số cơ quan chức năng và chính quyền cấp xã chưa quyết liệt trong công tác điều tra, xử lý nên công tác xử lý chưa kịp thời và nghiêm minh; việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đối tượng vi phạm chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức năng hoặc cấp có thẩm quyền (hoặc thi hành các bản án) có lúc, có nơi chưa nghiêm nên chưa đủ tính răn đe và giáo dục.

đ) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản.

- Mặc dù công tác tuyên truyền hướng dẫn các quy định của Nhà nước về quản lý lâm sản được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên, một số cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, chủ rừng chưa thực hiện việc lập Bảng kê lâm sản, ghi chép sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định.

- Đối với lâm sản do chủ rừng, chủ lâm sản tự quyết định việc khai thác, sau khi khai thác chủ rừng, chủ lâm sản không báo cáo, thông báo nên gây khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê ngành lâm nghiệp.

7. Phát triển rừng

7.1. Kết quả đạt được:

a) Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp:

- Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng trong lâm nghiệp:

+ Dự án điều tra, xây dựng, bảo tồn và phát triển nguồn giống cây bản địa: Lim xanh, Dầu rái, Chò chỉ, Sao đen,... trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện: Dự án đã điều tra xây dựng và chuyển hóa được nguồn giống với 4 loài cây bản địa, gồm: 5,23 ha Lim Xanh; 2,17 ha Dầu rái; 2,85 ha Chò đen và 50 cây trội Sao đen được Sở Nông nghiệp và PTNT cấp giấy chứng

nhận nguồn giống. Vị trí, diện tích điều tra xây dựng và chuyển hóa nguồn giống chi tiết theo bảng sau:

TT	Loài cây	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	ĐVT	Loại đất, loại rừng
A. Khu vực rừng giống chuyển hóa						10,25		
1	Lim xanh	Phổ Thạnh	338	7	1	4,18	Ha	RTG
		Phổ Thạnh	338	8	2	1,05	Ha	RTG
2	Dầu rái	Ba Tô	410	4	1	1,47	Ha	RTG
		TP. Quảng Ngãi	120, 124	3,1	2	0,7	Ha	RTG
3	Chò đen	Sơn Lập	179B	9	1	2,85	Ha	TXN
B. Cây trội								
1	Sao đen	TP. Quảng Ngãi	Vườn hoa Ba Tư		25	Cây trội	CPT	
		TP. Quảng Ngãi	Đường Hai Ba Trung		25	Cây trội	CPT	

+ Nghiên cứu lưu giữ bảo tồn nguồn gen giống cây Quế bản địa Trà Bồng tại tỉnh Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn giai đoạn 2015-2020.

Kết quả thực hiện: Điều tra, tuyển chọn và công nhận nguồn giống 200 cây Quế trội của 87 hộ dân trên địa bàn 8 xã thuộc huyện Trà Bồng (gồm các xã: Trà Thủy, Trà Lâm, Trà Bùi, Trà Sơn, Trà Hiệp, Trà Tân, Trà Giang và Thị trấn Trà Xuân); trồng 10 ha rừng giống Quế và được Sở Khoa học và Công nghệ nghiệm thu, kết thúc nhiệm vụ vào cuối năm 2020; vị trí, diện tích trồng rừng giống Quế theo bảng sau:

TT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
1	Xã Trà Thủy	42	1	1	0,41
				2	1,08
2	Xã Trà Hiệp	34	6	1	2,68
				2	5,83
Tổng					10,0

- Quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp: Lập và lưu giữ hồ sơ; ghi nhãn và quảng cáo giống; công bố phù hợp tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp.

Đối với hồ sơ thực hiện công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua, hồ sơ được lập và lưu giữ đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện công bố phù hợp tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định hiện hành¹⁰.

- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trong lâm nghiệp: Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống; thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở về sản xuất giống; quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp.

Nhìn chung, hầu hết các cơ sở đều sản xuất, kinh doanh giống keo lai giâm hom có cây đầu dòng từ cây cấy mô mua từ các công ty lâm nghiệp tại tỉnh Bình Định và các tỉnh phía Nam các chủ cơ sở đều quan tâm đến chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; cơ sở vật chất và phương tiện để sản xuất giống tương đối đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của các cơ sở trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố chưa lập thủ tục đề nghị công nhận nguồn giống theo quy định; Số lượng nguồn giống được công nhận đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chủ lực của tỉnh, cụ thể là cây Keo lai các dòng chỉ 10 cơ sở/350 cơ sở¹¹ (chiếm 2,9%). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị tổ chức sản xuất giống cây trồng nuôi cấy mô với các dòng cây Keo lai (*Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín và Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi*)

b) Phát triển rừng

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh (KNXTTS tự nhiên, có trồng bổ sung): 557,63 ha, đến nay đã hết giai đoạn đầu tư.

- Trồng mới rừng phòng hộ từ năm 2019 đến 2023 với diện tích: 421,378 ha. Trong đó:

+ Trồng rừng thay thế: 273,918 ha

+ Trồng rừng tập trung: 57 ha.

+ Trồng đường băng xanh phân định ranh giới giữa các loại rừng: 90,46 ha

- Tổ chức trồng, quản lý, bảo vệ cây phân tán tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp; chính sách hỗ trợ về giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng cây phân tán.

Từ năm 2019 đến năm 2023, tổng số lượng cây xanh phân tán được trồng: 452.953 cây (tương đương 452,953 ha), cụ thể:

+ Khu vực nông thôn: 386.438 cây (tương đương 386,438 ha);

+ Khu vực đô thị: 66.515 cây (tương đương 66,515 ha).

¹⁰ Công văn 336/HD-CCKL ngày 20/4/2023 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹¹ Theo số liệu đăng ký tập huấn công tác sản xuất giống năm 2023 của UBND cấp huyện: Ba Tơ khoảng 100 cơ sở; TX. Đức Phổ khoảng 34 cơ sở; Sơn Tây khoảng 20 cơ sở; Sơn Hà khoảng 40 cơ sở; Bình Sơn khoảng 85 cơ sở; Trà Bồng khoảng 15 cơ sở; Tư Nghĩa 11 cơ sở; Nghĩa Hành khoảng 21 cơ sở; Sơn Tịnh khoảng 14 cơ sở; TP.Quảng Ngãi khoảng 10 cơ sở.

Về chính sách hỗ trợ: Hằng năm theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, thực hiện hỗ trợ trồng cây phân tán cho các địa phương theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ngoài ra tỉnh Quảng Ngãi kêu gọi các nguồn lực từ xã hội hóa để thực hiện trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh; thực hiện hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây phân tán đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật.

(Chi tiết tại Biểu 07 kèm theo)

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Chính quyền các địa phương còn buông lỏng trong công tác xử lý vi phạm về quản lý giống, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn trong thực hiện công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ; Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; các hộ kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp.

Nguyên nhân, công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của một số địa phương chưa được quan tâm, chú trọng; công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở về điều kiện sản xuất, gieo ươm, hồ sơ nguồn gốc giống, công bố tiêu chuẩn cây giống chưa được chặt chẽ. Đặc biệt còn diễn ra tình trạng kinh doanh, vận chuyển giống lâm nghiệp từ các địa phương khác vào trong tỉnh không có hồ sơ nguồn gốc giống hoặc có hồ sơ nhưng không đầy đủ theo quy định.

b) Trồng cây phân tán.

- Nguồn lực ngân sách nhà nước hỗ trợ trồng cây phân tán còn hạn chế; đồng thời theo Điều 12 Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Điều 10 Thông tư 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ hỗ trợ 5 triệu đồng/ha (1.000 cây), tương đương 50.000 đồng/cây, còn thấp, khó triển khai thực hiện.

- Người dân, doanh nghiệp chưa chú trọng đến tầm quan trọng, tác dụng của rừng, cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nên chưa tập trung trong việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh; đồng thời, việc huy động vốn từ xã hội hóa, đóng góp của doanh nghiệp, vận động tài trợ cho việc trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh chưa nhiều.

8. Sử dụng rừng

8.1. Kết quả thực hiện dịch vụ môi trường rừng

Ký kết Hợp đồng uỷ thác chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)

Tổng lũy kế số hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi đã ký đến nay còn hiệu lực là 36 hợp đồng, trong đó:

- + Cơ sở sản xuất thủy điện: 10 hợp đồng
- + Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 05 hợp đồng
- + Cơ sở sản xuất nước công nghiệp: 21 hợp đồng.

Công tác thu, chi tiền DVMTR

Kết quả thu tiền DVMTR giai đoạn 2019-2023

Tổng thu: 76.829,32 triệu đồng, trong đó:

- Thu qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 16.709,98 triệu đồng;
- Thu qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: 59.826,95 đồng;
- Thu khác (Lãi ngân hàng, ...): 292,39 đồng

(Chi tiết có biểu 09 kèm theo)

Kết quả chi tiền DVMTR giai đoạn 2019-2023 cho các chủ rừng (Bên cung ứng DVMTR)

- Kết quả chi: 51.011,05 triệu đồng (trong đó: Ban quản lý RPH tỉnh: 45.555,73 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: 2.510,89 triệu đồng; HGD, CN, CDDC: 2.944,42 triệu đồng.

- Diện tích rừng chi trả (tính riêng năm 2023): 43.343,79 ha (quy đổi theo hệ số K là 38.740,39 ha), chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng tự nhiên sản xuất được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh, Công ty Lâm nghiệp và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, chiếm 40,6% tổng diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh. Mức chi trả bình quân khoảng 600.000 đồng/ha (đơn giá chi trả cao nhất 800.000 đồng/ha/năm, đơn giá chi trả thấp nhất 400.000 đồng/ha/năm.

Thực hiện thu, chi tiền trồng rừng thay thế

Từ năm 2015 đến nay có 33 phương án trồng rừng thay thế diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt với tổng số tiền phải thu là 31.299.357.304 đồng để trồng 414.607 ha rừng.

Tình hình thu tiền trồng rừng thay thế

Tổng số tiền đã thu lũy kế từ năm 2015 đến tháng 4/2024 là: 29.906.520.692 đồng gồm:

+ 11 Phương án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang công trình thủy điện với số tiền là: 8.081.104.859 đồng.

+ 20 Phương án chuyển đổi mục đích kinh doanh với số tiền là: 21.690.326.422 đồng.

+ Thu lãi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước: 135.089.411 đồng.

- Số tiền còn lại phải thu 1.527.926.023 đồng của 2 Phương án chưa nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng gồm:

+ Phương án trồng rừng thay thế chuỗi nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao OFB, Phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng xây dựng: 1.210.717.000 đồng/ diện tích phải trồng 14,67 ha.

+ Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Cụm công trình thủy điện Tây Trà do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp thủy điện Tây Trà làm chủ đầu tư: 317.209.023 đồng/ diện tích phải trồng 3,097 ha.

Tình hình chi tiền trồng rừng thay thế

Tổng số tiền chi tích lũy từ năm 2015 đến thời điểm báo cáo: 19.459.388.116 đồng.

Trồng cây phân tán

Năm 2021 và năm 2023, Quỹ tỉnh đã phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức hỗ trợ trồng được 16.942 cây Sao đen (năm 2021 là 7.279 cây, năm 2023 là 9.663 cây) tại 13/13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Tiếp nhận tài trợ cho Quỹ trồng cây xanh

Triển khai thực hiện Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 – 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chương trình gây “Quỹ trồng cây xanh” trên địa bàn tỉnh; Thư ngỏ ngày 17/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về vận động gây Quỹ trồng cây xanh, kết quả tiếp nhận đóng góp gây Quỹ trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

Tiếp nhận bằng tiền (bao gồm tiền lãi, phí tiền gửi): 776.681.374 đồng.

Tiếp nhận bằng hiện vật

Công ty TNHH MTV Nông Lâm nghiệp Thương mại Dịch vụ Tài nguyên đóng góp: Khoảng 127.000 cây

a) Số lượng cây đã tiếp nhận và phân bổ cho các địa phương:

Tổng số lượng cây giống đã hỗ trợ: 98.603 cây (Cây Sao đen: 14.017 cây; Cây Cau: 42.314 cây; Cây Mít thái: 15.000 cây; Giổi xanh: 12.569 cây; Lim xanh: 8.748 cây; Sưa đỏ: 5.955 cây).

b) Số lượng cây sẽ tiếp nhận: Số lượng cây Doanh nghiệp cam kết sẽ đóng góp giai đoạn 2024 – 2025: 28.397 cây (gồm các loại như cây Sao đen, cây Lim xanh, cây Giổi xanh, Sưa đỏ và cây Câu ăn trâu).

8.2. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Về thực hiện chi trả tiền DVMTR

Triển khai thực hiện nội dung của Tiểu dự án 1 – Dự án 3 (Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Theo đó, diện tích rừng bình quân hàng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Tiểu dự án 1 – Dự án 3 đạt gần 58.000 ha (bao gồm các chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư). Bên cạnh đó, có khoảng gần 34.000 ha đang được giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng thuộc phạm vi thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 (*hầu hết diện tích rừng này đều phân bổ tại các khu vực II, III thuộc phạm vi thực hiện của Chương trình*). Qua 02 năm triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ khoán bảo vệ rừng thuộc Tiểu dự án 1 – Dự án 3 và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã phát sinh trường hợp:

"Đối với những diện tích rừng có đơn giá chi trả tiền DVMTR lớn hơn mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước thì các chủ rừng không sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để khoán bảo vệ rừng mà chỉ sử dụng duy nhất nguồn DVMTR; ngược lại, đối với những diện tích rừng tại các lưu vực có đơn giá chi trả DVMTR thấp hơn mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước thì các chủ rừng sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để khoán bảo vệ rừng"

Xuất phát từ lý do nêu trên, các chủ rừng từ chối tiếp nhận nguồn tiền DVMTR chi trả tại các lưu vực có đơn giá thấp vì sợ trùng lặp. Hiện nay chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về việc lồng ghép bố trí các nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhiều quan điểm cho rằng những chủ rừng đã được nhận tiền DVMTR thì không được ngân sách hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, dẫn đến một số chủ rừng nằm trong lưu vực có mức chi trả DVMTR thấp bị thiệt thòi.

b) Loại hình dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng có tiềm năng lớn nhưng chưa có đủ cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện (vẫn đang thí điểm tại một số tỉnh).

c) Một số chủ dự án, công trình có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được UBND tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ tỉnh, nhưng đến nay vẫn không thực hiện nộp đầy đủ số tiền phải nộp theo quy định, mặc dù Quỹ tỉnh đã có nhiều văn bản đôn đốc.

9. Chế biến và thương mại lâm sản

9.1. Kết quả đạt được:

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp chế biến kinh doanh gỗ trên địa bàn huyện triển khai thực hiện nội dung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống đảm bảo

gỗ hợp pháp Việt Nam và Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện mô hình liên kết trồng rừng sản xuất và cấp chứng chỉ rừng FSC giữa các doanh nghiệp và người dân. Việc triển khai mô hình liên kết trồng rừng và cấp chứng chỉ rừng được nhân dân đồng thuận, ủng hộ, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025.

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hầu hết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh chưa chú trọng chất lượng, năng suất gỗ rừng trồng nên khai thác rừng trồng khi chưa đủ tuổi, dẫn đến gỗ dăm không đạt chất lượng cao; mặt khác giá cả phụ thuộc lớn vào các đối tác nước ngoài. Chưa có sự hợp tác, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa người sản xuất và các doanh nghiệp để có thị trường ổn định, giúp nhân dân yên tâm sản xuất để tạo ra nguồn nguyên liệu chất lượng cao, vì vậy rất khó tìm kiếm và mở rộng thị trường.

- Trong những năm qua, công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản trên địa bàn tỉnh tương đối phát triển, các cơ sở chế biến gỗ được thành lập, công nghệ đã có nhiều đổi mới phần nào đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh. Đó là một số khởi điểm mới cho ngành công nghiệp khai thác, chế biến gỗ của tỉnh, nhưng nhìn chung đa số các cơ sở sản xuất với quy mô nhỏ, thiết bị thô sơ, sản phẩm sản xuất ra dạng sơ chế gỗ dăm, ván ghép thanh và mộc dân dụng. Nhìn chung, do mô hình sản xuất chủ yếu ở quy mô hộ gia đình nên sản phẩm chế biến lâm sản có sản lượng thấp, chủ yếu là bán sản phẩm chế biến ở dạng thô. Sản phẩm sản xuất ra chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Qua những thực trạng đã nêu trên, công nghiệp chế biến lâm sản còn một số những khó khăn.

- Vẫn còn một số hạn chế về các chính sách liên quan đến đầu tư trong lĩnh vực chế biến lâm sản như: Chưa có các chính sách đồng bộ trong đầu tư phát triển rừng trồng là rừng sản xuất gắn với đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ; Ngoài sản xuất dăm gỗ và ván ghép thanh thì các hoạt động chế biến lâm sản chưa được đưa vào danh mục các lĩnh vực ưu đãi đầu tư; chưa có các chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu và cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng nguyên liệu lâm sản tập trung. Diện tích rừng trồng tăng nhưng chất lượng rừng chưa đồng đều, chưa đáp ứng cao với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước.

- Năng lực sản xuất của các cơ sở còn nhiều hạn chế, thiếu lao động kỹ thuật, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất, chất lượng sản phẩm.

- Đa số các cơ sở sản xuất có quy mô công suất nhỏ, thiết bị công nghệ còn lạc hậu, thiếu đồng bộ. Sản phẩm sản xuất ra còn ở dạng sơ chế, giá trị thấp; một số sản phẩm xuất khẩu trực tiếp như ván ghép thanh, dăm gỗ sản lượng đạt thấp.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chế biến lâm sản chưa được tương xứng với tiềm năng, thế mạnh: Các cơ sở hình thành mang tính tự phát, nhỏ lẻ chưa có quy hoạch, kế hoạch của các cấp. Năng lực điều hành quản lý của các cơ sở chế biến lâm sản chưa cao, không tiếp cận được với nguồn vốn đầu tư lớn. Các cơ sở chế biến thiếu thông tin, chưa chú trọng đầu tư xúc tiến thương mại, đổi mới công nghệ, marketing, mẫu mã và chất lượng sản phẩm vì thế ngành chế biến lâm sản tuy đã có sự phát triển cả về số lượng, quy mô nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

10. Định giá rừng, đầu tư, tài chính trong lâm nghiệp

10.1. Kết quả đạt được:

a) Định giá rừng: Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh; các trường hợp định giá rừng.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh chưa có trường hợp nào phải thực hiện định giá rừng.

b) Đầu tư và tài chính trong lâm nghiệp

Nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu dựa vào vốn ngân sách hàng năm hỗ trợ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT – XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025; Thu từ dịch vụ môi trường rừng (*Chi tiết tại Biểu 11 kèm theo*).

- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng:

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi được thành lập tại Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh; là Quỹ tài chính ngoài ngân sách, tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, với nhiệm vụ chính là huy động và tiếp nhận nguồn vốn ủy thác tiền DVMTR, các nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; tiếp nhận, quản lý tiền trông rừng thay thế và các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh được cấp dấu và đi vào hoạt động kể từ ngày 24/9/2013. Đơn vị được tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp thẩm quyền giao quyền tự chủ về tài chính, là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên được phân loại thuộc nhóm 2.

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Quỹ được quy định tại Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức bộ máy Quỹ tỉnh hiện nay gồm: Hội đồng quản lý Quỹ: có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Phó Chủ tịch Hội đồng là Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; các ủy viên Hội đồng là đại diện Lãnh đạo các Sở, ngành gồm: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Ban Kiểm soát Quỹ tỉnh: Có 01 thành viên, là Trưởng Ban kiểm soát Quỹ là Phó phòng Kế hoạch – Tài chính Sở, Kế toán trưởng Sở Nông nghiệp và PTNT; Bộ máy điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, 09 người gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); các bộ phận nghiệp vụ Quỹ (Bộ phận Kế hoạch – Kỹ thuật và Hành chính – Tổng hợp).

10.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Định giá rừng: Không.

b) Đầu tư và tài chính trong lâm nghiệp

- Nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế, khó khăn trong thu hút các nguồn lực tài chính xã hội hóa, ngân sách nhà nước vẫn là nguồn chủ yếu trong đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

- Một số cộng đồng dân cư thôn được giao rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ rừng nhưng không được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng (là xã khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, kkkhu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên không được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP)

11. Khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp

11.1. Kết quả đạt được:

- Hoạt động khoa học và công nghệ về lâm nghiệp

Ứng dụng công nghệ viễn thám vào trong điều tra, theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Việc ứng dụng khoa học công nghệ đã góp phần giúp cho ngành lâm nghiệp quản lý, nắm bắt được thông tin, số liệu tin cậy, kịp thời, chính xác để đưa ra các giải pháp, hoạch định chính sách về phát triển lâm nghiệp trong tương lai; triển khai các giải pháp ứng cứu kịp thời trong chữa cháy rừng, giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra; lựa chọn các cây giống có chất lượng tốt trong trồng rừng.

- Thực hiện cam kết quốc tế về lĩnh vực lâm nghiệp; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (vốn ODA, vay ưu đãi và các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế); hợp tác song phương với các nước có chung đường biên giới.

Trên cơ sở văn bản số 09/23/2023 ngày 11/01/2023 của Tổ chức FFI-Chương trình Việt Nam về việc đề xuất dự án Khu Bảo tồn Quảng Ngãi; được

UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập dự án bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh Quảng Ngãi do tổ chức FFI - Chương trình Việt Nam đề xuất tại Công văn số 619/UBND-KTN ngày 21/02/2023. Ngày 25/5/2023, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 803/QĐ-UBND về việc tiếp nhận Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi do Tổ chức Fauna & Flora International (FFI) - Chương trình Việt Nam tài trợ, tổng kinh phí đã thực hiện 100.000 USD (vốn viện trợ không hoàn lại).

11.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Hoạt động khoa học và công nghệ được áp dụng trong lâm nghiệp còn hạn chế chưa đáp ứng so với yêu cầu hiện nay.

- Khó khăn trong việc huy động các nguồn kinh phí từ các nguồn vốn tài trợ nước ngoài.

12. Quản lý nhà nước về lâm nghiệp

12.1. Kết quả đạt được:

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp

- Thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Lâm nghiệp 2017

Xác định tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 về việc Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Theo đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là đối với các địa phương có rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; xây dựng lực lượng bảo vệ rừng đủ mạnh để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đạo đức nghề nghiệp đối với lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

Từ năm 2019 đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh không có công chức, viên chức, hợp đồng lao động bị xử lý trách nhiệm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

(Chi tiết có biểu 08 kèm theo)

b) Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp: Cấp tỉnh, cấp huyện.

Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp cấp tỉnh gồm các cơ quan sau: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và Chi cục Kiểm lâm.

+ Về tổ chức của Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh gồm có:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Phòng Sử dụng và Phát triển rừng; Phòng Thanh tra, pháp chế và tuyên truyền; Phòng Tổ chức, hành chính và Xây dựng lực lượng.

- 12 đơn vị trực thuộc gồm: 11 Hạt Kiểm lâm huyện, liên huyện-Thành phố, thị xã và 01 Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR.

+ Về hoạt động

Chi cục Kiểm lâm tỉnh là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp, đảm bảo chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Kiểm lâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng Cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

*** Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp cấp huyện gồm các cơ quan sau:** UBND huyện, thị xã, thành phố, Hạt Kiểm lâm huyện, liên huyện-Tp, thị xã.

+ Về tổ chức của Hạt Kiểm lâm huyện, liên huyện-Tp, thị xã

- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm: Hạt trưởng và Phó Hạt trưởng

- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ gồm: Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Thanh tra, pháp chế; Hành chính, tổng hợp; Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã, phường, thị trấn

+ Về hoạt động

Hạt Kiểm lâm huyện, liên huyện-Thành phố, thị xã là tổ chức hành chính trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, tham mưu giúp Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện.

Hạt Kiểm lâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Chi cục Kiểm lâm tỉnh và sự lãnh đạo, giám sát của UBND huyện, thị xã, thành phố.

12.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng vẫn còn một số hạn chế. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật, nhất là rừng tự nhiên ở các khu vực giáp ranh giữa tỉnh ta với các tỉnh bạn vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; công tác phát triển rừng, trồng rừng thay thế và thực hiện xã hội hoá công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn nhiều khó khăn, cấp bách.

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, vì lợi ích kinh tế trước mắt mà chưa coi trọng sự phát triển bền vững; còn thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vụ vi phạm. Tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn một số lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng chuyên trách còn hạn chế, chế độ đãi ngộ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng còn quá thấp.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành liên quan ở 1 số địa phương có lúc chưa được thường xuyên, đồng bộ.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp

13. Thực hiện các quyền của chủ rừng

13.1. Kết quả đạt được:

Thực hiện các quyền của chủ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, gồm: cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật Lâm nghiệp;

- Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55 Luật Lâm nghiệp.

13.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Quyền hạn của chủ rừng (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh) rất hạn chế nên khi xác lập hồ sơ ban đầu các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (phá rừng, khai thác lâm sản, lấn chiếm đất rừng, ...) không xác định được đối tượng vi phạm, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác xử lý vi phạm; trong khi đó, một số cơ quan chức năng và chính quyền cấp xã chưa quyết liệt trong công tác điều tra, xử lý nên công tác xử lý chưa kịp thời và nghiêm minh; việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đối tượng vi phạm chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan chức năng hoặc cấp có thẩm quyền (hoặc thi hành các bản án) có lúc, có nơi chưa nghiêm nên chưa đủ tính răn đe và giáo dục.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT LÂM NGHIỆP

1. Về quản lý rừng

1.1. Tổ chức quản lý rừng.

- Hiện nay cơ chế chính sách đãi ngộ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng còn quá thấp. Riêng ở Ban Quản lý rừng không phải diện tích nào cũng giao khoán được vì xa dân, điều kiện đi lại khó khăn, kinh phí hỗ trợ khoán thấp nên không thu hút người dân, cộng đồng dân cư tham gia nhận khoán. Trong tình huống đó, Ban quản lý rừng phòng hộ phải tổ chức lực lượng tự bảo vệ những diện tích không thể giao khoán nhưng lại vướng rào cản về cơ chế chính sách cho lực lượng này.

- Quy định, hướng dẫn, điều chỉnh nâng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức và lực lượng chuyên trách của ngành lâm nghiệp.

1.2. Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng.

- Một số diện tích rừng trồng theo các Chương trình dự án trước đây đầu tư trên lâm phần giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh quản lý, hiện nay cây phù trợ do quá tuổi thành thực đã chết hoặc ngã đổ do thiên tai bão, lũ; một số cây trồng chính sinh trưởng chậm hoặc bị chết do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, do thời gian chăm sóc ngắn (3 năm) theo các quy định trước đây,..., thực bì, cây rừng tự nhiên tái sinh lấn áp, theo diễn thế tự nhiên, các cây tái sinh tự nhiên chiếm ưu thế hiện đã đủ tiêu chí thành rừng tự nhiên. Nhưng tại Điều 37 Thông tư 33 “Theo dõi diễn biến diện tích rừng theo các nguyên nhân” không có quy định nguyên nhân diễn thế tự nhiên (diễn thế nguồn gốc rừng trồng thành rừng tự nhiên), cũng như tại phần mềm FRMS 4.0 cũng không cho phép cập nhật thay đổi nguồn gốc rừng. Vì vậy, trong hồ sơ quản lý là rừng trồng nhưng thực tế là rừng tự nhiên là không phù hợp, khó khăn trong công tác xử lý khi có vi phạm xảy ra tại diện tích rừng này.

- Về tiêu chí xác định rừng: theo nội dung khoản 3 Điều 5 Nghị định 156/2018/NĐ-CP, 1 trong 3 tiêu chí để đạt được rừng trồng là độ tàn che 0,1 trở lên; diện tích liền vùng 0,3ha trở lên và chiều cao trung bình của cây rừng trên điều kiện lập địa trên đồi, núi đất và đồng bằng, trên đất ngập phèn là 5,0m trở lên. Tuy nhiên hiện nay tiêu chuẩn nghiệm thu đối với loài cây sinh trưởng chậm được ban hành theo TCVN 12509-2:2018 và phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh thì sau thời gian kiến thiết cơ bản (1 năm trồng 5 năm chăm sóc) chiều cao cây rừng đối với cây sinh trưởng chậm trồng trên núi đất đạt 2m trở lên thì được nghiệm thu hoàn thành công trình. Nếu xét theo tiêu chí rừng trồng tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP thì vẫn chưa đạt tiêu chí rừng trồng dẫn đến không được cập nhật diễn biến rừng từ diện tích đã trồng nhưng chưa thành rừng (DTR) thành rừng trồng gỗ (RTG) gây khó khăn trong việc đưa diện tích

rừng trồng kết thúc giai đoạn đầu tư vào quản lý bảo vệ rừng và cập nhật hiện trạng rừng đối với diện tích rừng kết thúc giai đoạn đầu tư.

- Công tác điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện trong điều kiện rừng núi, địa hình phức tạp; bên cạnh đó, thiết bị sử dụng phổ biến là máy GPS trong điều kiện thời tiết thuận lợi nhất vẫn có sai số ± 3 m, nhưng trong Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sai số đo đạc về diện tích, về phẩm cấp rừng, ... đã gây rất nhiều khó khăn cho công tác kiểm tra, thanh tra.

3. Bảo vệ rừng

- Tại tiêu mục 3.1. Điều 9 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chưa quy định kinh phí quản lý kiểm tra, nghiệm thu 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng (nội dung này tại Điều 13 Thông tư 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025: “có quy định mức chi 7% trên tổng kinh phí của Chương trình chi cho khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên hàng năm của chủ rừng thuộc sở hữu Nhà nước”; Ngoài ra tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 cũng có quy định mức hỗ trợ kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7%). Thực tế triển khai thực hiện nếu không có kinh phí quản lý kiểm tra nghiệm thu các đơn vị triển khai thực hiện sẽ không có kinh phí để thực hiện in ấn hợp đồng giao khoán, tuyên truyền phổ biến pháp luật, hội họp, tuần tra truy quét bảo vệ rừng và nghiệm thu kết thúc hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng... Do đó, đề nghị sửa đổi Thông tư cho phù hợp.

- Tăng mức hỗ trợ để thực hiện lập hồ sơ giao khoán, mức hỗ trợ nhân công nhận khoán.

- Chữa cháy rừng:

+ Theo Điều 13 Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT quy định: *Xác định thiệt hại do cháy rừng, nguyên nhân gây cháy rừng và giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy; tại Điều 52 Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định về khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng.* Hầu hết chưa xác định được nguyên nhân cũng như chưa điều tra xác minh tìm ra đối tượng để xử lý theo quy định pháp luật nên việc khắc phục hậu quả của chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư là tiếp tục đầu tư lại, còn đối với chủ rừng là cộng đồng, chủ rừng được giao khoán bảo vệ mà không bỏ vốn cá nhân đầu tư thì hầu hết chưa có phương án cũng như kinh phí khắc phục.

4. Phát triển rừng

- Đề nghị tiếp tục áp dụng các chính sách đầu tư hiện hành đối với rừng phòng hộ và có thể điều chỉnh mức đầu tư của một số hoạt động cao hơn so với qui định hiện hành (trồng rừng, bảo vệ rừng, KNXTTS...) vì hiện trường trồng rừng phòng hộ ngày càng xa, địa hình đồi núi dốc, đi lại khó khăn, diện tích khu

vực trồng rừng - Trồng cây phân tán: Xem xét điều chỉnh tăng mức hỗ trợ trồng cây phân tán từ 5 triệu đồng/ha (1.000 cây) lên 10 triệu đồng/ha.

5. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng

5.1. Quyền và nghĩa vụ chung của chủ rừng.

- Quyền của chủ rừng:

Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định của pháp luật.

+ Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

+ Sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao rừng, cho thuê rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất trồng rừng theo quy định của Luật này và pháp luật về đất đai.

+ Được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng.

+ Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng; được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

+ Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng.

+ Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với chủ rừng phát triển rừng sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai.

- Nghĩa vụ của chủ rừng:

+ Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng.

+ Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của Luật này.

+ Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng.

+ Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

+ Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ.

- Ban quản lý rừng phòng hộ có quyền sau đây:

+ Cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

+ Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật này;

+ Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, của Luật này lâm nghiệp.

- Ban quản lý rừng phòng hộ có nghĩa vụ sau đây:

+ Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt;

+ Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ.

6. Các vấn đề khác

- Về định nghĩa rừng, tiêu chí rừng có quy định: “*độ tàn che từ 0,1 trở lên*”. Tuy nhiên, trong thực tế khi rừng bị phá, bị cháy sẽ không xác định được độ tàn che nên khó xác lập hồ sơ để xử lý theo quy định.

- Về tiêu chí đối với rừng trồng: Nghiên cứu xem xét tiêu chí về mật độ cây/ha thay cho tiêu chí độ tàn che.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND tỉnh;
- GD Sở;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Lưu: VT, CCKLtn.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương